

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/DS-PT
Ngày 05-5-2022
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 26/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 207/5A đường P, tổ 34, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Số 377, khu phố 3, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ liên hệ: Số 36/6, đường T, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Thanh T (Văn bản ủy quyền ngày 27/3/2019).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 105, đường T, tổ 37, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Quang H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 105, đường T, tổ 37, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 06/11/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Minh T1, Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1 Ông Lê Quang H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 105, đường T, tổ 37, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Quang H1: Luật sư Phạm Minh T1, Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

2 Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 105 đường T, tổ 37, khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trương Thị Thanh T, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Quang H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2019 của bà Trương Thị Thanh T và quá trình tham gia tố tụng, ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Trương Thị Thanh T là người tổ chức chơi hụi và bà Trần Thị Ngọc M có tham gia chơi hụi do bà T tổ chức. Tổng cộng là 15 phần hụi tuần 500.000 đồng, 05 phần hụi tháng 5.000.000 đồng, cụ thể:

* Hụi tuần 500.000 đồng bà M tham gia chơi 05 dây hụi bằng tên của bà M, khai ngày 13/8/2018, kết thúc ngày 07/01/2019, mỗi dây 22 phần:

- Dây 1: Bà M tham gia 01 phần (STT 1), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 2: Bà M tham gia 01 phần (STT 7), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 3: Bà M tham gia 01 phần (STT 1), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 4: Bà M tham gia 02 phần (STT 8, 9), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 phần x 2 kỳ = 2.000.000 đồng.

- Dây 5: Bà M tham gia 02 phần (STT 10, 11), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 phần x 2 kỳ = 2.000.000 đồng.

Số tiền hụi chết bà M còn phải đóng cho bà T là 7.000.000 đồng.

* Hụi tuần 500.000 đồng bà M tham gia chơi 05 dây hụi bằng tên Hiễn (tên gọi đầy đủ là Lê Quang H1, là con ruột của bà M), khai ngày 13/8/2018, kết thúc ngày 07/01/2019, mỗi dây 22 phần:

- Dây 1: Bà M tham gia hụi bằng tên Hiễn (STT 2) 01 phần, bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 2: Bà M tham gia bằng tên Hiễn 01 phần (STT 8), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 3: Bà M tham gia bằng tên Hiễn 01 phần (STT 3), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 4: Bà M tham gia bằng tên Hiễn 01 phần (STT 7), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 5: Bà M tham gia bằng tên Hiễn 01 phần (STT 15), bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

Số tiền hụi chết bà M tham gia bằng tên của Hiễn còn phải đóng cho bà T là 5.000.000 đồng.

* Hụi tuần 500.000 đồng bà M tham gia chơi 03 dây hụi bằng tên Huấn (tên gọi đầy đủ là Lê Thị Ngọc H2), nhưng tên giấy hụi ghi tên là Hân, là con ruột của bà M), khai ngày 13/8/2018, kết thúc ngày 07/01/2019, mỗi dây 22 phần:

- Dây 1: Bà M tham gia hụi bằng tên Hân (STT 3 - thực chất đúng là Huấn, do lỗi đánh máy) 01 phần, bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 2: Bà M tham gia bằng tên Hân (STT 12 - thực chất đúng là Huấn, do lỗi đánh máy) 01 phần, bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền hốt hụi thì bà T không nhớ, bà M đóng hụi chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

- Dây 3: Bà M tham gia bằng tên Hân (STT 2 - thực chất đúng là Huấn, do lỗi đánh máy) 01 phần, bà M đã hốt hụi, thời gian bà M hốt hụi cũng như số tiền

hốt hui thì bà T không nhớ, bà M đóng hui chết đến kỳ 20, còn lại 02 kỳ (kỳ ngày 31/12/2018 và kỳ ngày 07/01/2019) = 500.000 đồng x 2 kỳ = 1.000.000 đồng.

Số tiền hui chết bà M tham gia bằng tên của Huân còn phải đóng cho bà T là 3.000.000 đồng.

Như vậy, hui tuần 500.000 đồng thì bà M còn nợ bà T 15 kỳ hui chết, số tiền là 15.000.000 đồng.

* Hui tháng 5.000.000 đồng bà M chơi 02 dây hui, khai ngày 18/4/2018, kết thúc ngày 18/5/2019, mỗi dây 14 phần:

- Dây 1: Bà M tham gia 01 phần (STT 1), bà M chơi với tên Hiền Mai (tức của ½ bà M, ½ tên Hiền STT 10, 11) bà M đã hốt hui, phần của Hiền Mai cũng đã hốt hui, thời gian bà M hốt hui cũng như số tiền hốt hui thì bà T không nhớ, nhưng do ông H1 và bà M không đồng ý tính toán chung bằng tên Hiền Mai nên bà T tính của bà M 01 phần; còn Hiền 01 phần đã chốt riêng; bà M đóng hui chết đến kỳ thứ 9, còn lại 05 kỳ (từ kỳ ngày 18/01/2019 và kỳ ngày 18/5/2019) = 5.000.000 đồng x 5 kỳ x 2 phần = 50.000.000 đồng.

- Dây 2: Bà M tham gia 01 phần (STT 2), bà M chơi với tên Hiền Mai (tức của ½ bà M, ½ tên Hiền STT 3, 4) bà M đã hốt hui, phần của Hiền Mai cũng đã hốt hui, thời gian bà M hốt hui cũng như số tiền hốt hui thì bà T không nhớ, nhưng do Hiền và bà M không đồng ý tính toán chung nên Hiền Mai thì bà T tính của bà M 01 phần; còn Hiền 01 phần đã chốt riêng, bà M đóng hui chết đến kỳ thứ 9, còn lại 05 kỳ (từ kỳ ngày 18/01/2019 và kỳ ngày 18/5/2019) = 5.000.000 đồng x 5 kỳ x 2 phần = 50.000.000 đồng.

* Hui tháng 5.000.000 đồng bà M chơi 01 dây hui, khai ngày 30/9/2018, kết thúc ngày 30/10/2019, mỗi dây 14 phần, cụ thể: Bà M tham gia 02 phần (STT 4, 5), bà M đã hốt hui 01 phần, còn sống 01 phần, thời gian bà M hốt hui cũng như số tiền hốt hui thì bà T không nhớ, bà M đóng hui chết đến kỳ thứ 5, còn lại 09 kỳ (từ kỳ ngày 30/02/2019 và kỳ ngày 30/10/2019) = 5.000.000 đồng x 5 kỳ = 45.000.000 đồng.

Như vậy, hui tháng 5.000.000đ bà M chơi 03 dây hui, 05 phần hui chết thì số tiền hui chết bà M còn phải đóng cho bà T là 145.000.000 đồng.

Tổng cộng, 15 phần hui tuần 500.000 đồng, 04 phần hui tháng 5.000.000 đồng và 01 phần hui tháng 5.000.000 đồng với số tiền hui chết bà M còn phải đóng cho bà T là 160.000.000 đồng.

Việc bà M tham gia hui với tên Hiền, Huân (trên giấy ghi là Hân) thì ông H1, bà H2 có biết và đồng ý. Mục đích là để các hui viên khác không có ý kiến khi bà M hốt hui. Đến ngày 31/12/2018, sau khi đối chiếu các khoản tiền hui, bà M đã xác nhận còn nợ bà T số tiền hui là 160.000.000 đồng, theo giấy biên nhận đề ngày 31/12/2018. Giấy biên nhận do bà T viết, có chữ ký, chữ viết họ tên của bà Trần Thị Ngọc M.

Nay nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà Trần Thị Ngọc M phải thanh toán cho bà Trương Thị Thanh T số tiền hui là 160.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Đối với biên nhận đề ngày 01/11/2018 do bị đơn cung cấp, nguyên đơn xác định là chữ viết và chữ ký của nguyên đơn. Nhưng số tiền 75.000.000 đồng trên biên nhận đề ngày 01/11/2018 không phải tiền hui, mà trước đây giữa bà T và bà M có vay mượn tiền với nhau. Khi bà T và bà M chốt lại số tiền hui chết bà M phải đóng cho bà T thì bà T đã cản trừ số tiền 75.000.000 đồng nêu trên và xác định số tiền bà M phải đóng cho bà T là 160.000.000 đồng. Do tin tưởng nên bà T không thu lại bản chính biên nhận ngày 01/11/2018. Vì vậy, bà T không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà T phải thanh toán cho bà M số tiền 75.000.000 đồng.

Tại bản tự khai của bà Trần Thị Ngọc M và quá trình giải quyết, ông Lê Quang H1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà M xác nhận có tham gia các dây hui do bà Trương Thị Thanh T là chủ hui khoảng từ năm 2016, không nhớ chính xác thời gian do đã lâu. Đến ngày 25/12/2018, bà T tuyên bố ngưng hui. Ngày 31/12/2018, bà T có đến nhà bà M để hai bên chốt lại số tiền hui với nhau, nhưng do số tiền hui bà T ghi không đúng nên bà M không đồng ý và không ký xác nhận với bà T. Việc bà T cho rằng bà M còn nợ bà T số tiền 160.000.000 đồng là không đúng. Đối với biên nhận ngày 31/12/2018 do bà T cung cấp cho Tòa án, tại phần nội dung đã có sự sửa chữa số phần hui và số tiền 160.000.000 đồng, kể cả phần ghi thời gian ngày 31/12/2018 cũng có sự sửa chữa tại tháng 12 nên không có giá trị pháp lý. Do đó, bà M không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đồng thời, bà M xác định năm 2017 bà có tham gia 02 dây hui do bà T là chủ hui, mỗi dây hui 5.000.000 đồng, khai ngày 30/9/2017, kết thúc ngày 30/8/2018, mỗi dây hui có 12 thành viên, bà M đã đóng hui cho bà T 11 kỳ và hót chốt mỗi dây hui là 53.000.000 đồng x 2 dây hui = 106.000.000 đồng. Sau đó, bà T thanh toán cho bà M 31.000.000 đồng, còn lại 75.000.000 đồng bà T viết giấy xác nhận ngày 01/11/2018 giao cho bà M. Do đó, bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T phải thanh toán cho bà M số tiền hui là 75.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang H1 trình bày: Ông H1 xác nhận có tham gia chơi hui do bà T tổ chức. Trong các lần chơi hui, ông H1 đều tham gia với tư cách cá nhân bằng tên thật là Lê Quang H1 để chơi hui. Ông H1 không có chơi hui bằng bất kỳ tên của ai và cũng không ai lấy danh nghĩa của ông để chơi hui, kể cả mẹ của ông tên Trần Thị Ngọc M. Ông H1 hoàn toàn không liên quan đến các dây hui, các phần hui bà M tham gia chơi hui do bà T tổ chức. Đối với phần tiền hui bà T nợ ông H1 thì ông H1 đã khởi kiện bà T tại Tòa án và đã có quyết định công nhận thỏa thuận của Tòa về việc bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hui cho ông là 72.300.000đ. Việc bà T trình bày các phần hui bà M tham gia chơi hui bằng tên của ông H1 là không đúng. Do đó, ông H1 xác định ông không có quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc H2 trình bày: Bà H2 có tham gia chơi hụi do bà T tổ chức. Trong các lần chơi hụi, bà H2 đều tham gia với tư cách cá nhân của bà, sử dụng bằng tên thật là Lê Thị Ngọc H2 để chơi hụi. Bà H2 không có chơi hụi bằng bất kỳ tên của ai và cũng không ai lấy danh nghĩa của bà để chơi hụi, kể cả mẹ của bà tên Trần Thị Ngọc M. Bà H2 hoàn toàn không liên quan đến các dây hụi, các phần hụi bà M tham gia chơi hụi do bà T tổ chức. Đối với phần tiền hụi bà T nợ bà H2 thì bà H2 đã khởi kiện bà T tại Tòa án và đã có quyết định công nhận thỏa thuận của Tòa về việc bà T có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hụi cho bà là 72.000.000đ. Việc bà T trình bày các phần hụi bà M tham gia chơi hụi bằng tên của bà H2 là không đúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 29/10/2021, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc M về việc “Tranh chấp hụi”.

Bà Trần Thị Ngọc M có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị Thanh T số tiền là 102.000.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc M về việc “Tranh chấp hụi” đối với số tiền 58.000.000đ.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị Ngọc M đối với nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T về việc “Tranh chấp hụi”.

Bà Trương Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc M số tiền là 75.000.000đ theo biên nhận đề ngày 01/11/2018. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc không yêu cầu nguyên đơn trả lãi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Như vậy, sau khi khấu trừ nghĩa vụ về số tiền phải thanh toán cho nhau thì bà Trần Thị Ngọc M còn phải thanh toán cho bà Trương Thị Thanh T số tiền 27.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn Trương Thị Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 11 tháng 11 năm 2021, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Quang H1 kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người đại diện hợp pháp

của bị đơn ông Lê Quang H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang H1 là ông Phạm Minh T1 trình bày: Tờ biên nhận nợ ngày 31/12/2018 bị tẩy xóa, sửa chữa và ghi chèn, không được bị đơn thừa nhận nên không được xem là chứng cứ nên không có cơ sở xác định bị đơn có nợ nguyên đơn 160.000.000 đồng tiền hui. Đối lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019 của bị đơn đối với số tiền 102.000.000 đồng chỉ là lời giải thích chứ không phải là lời thừa nhận, đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận lời khai này của bị đơn nên không có cơ sở xác định bị đơn có nợ nguyên đơn 102.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố thì tại đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai nguyên đơn đều thừa nhận còn 01 dây hui sống 5.000.000 đồng đóng đến kỳ thứ 5 là 25.000.000 đồng nguyên đơn chưa thanh toán cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Các đương sự thống nhất thừa nhận có chơi hui, dây hui, số tiền. Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà M trả 160.000.000 đồng với chứng cứ là tờ biên nhận nợ ngày 31/12/2018 nhưng bị đơn bà M không thừa nhận do tờ biên nhận nợ này bị tẩy xóa, sửa chữa và ghi chèn đồng thời có phản tố yêu cầu nguyên đơn bà T trả số tiền 75.000.000 đồng theo theo biên nhận nợ ngày 01/11/2018. Xét thấy, tờ biên nhận nợ ngày 31/12/2018 do nguyên đơn cung cấp có sự sửa chữa và ghi chèn thêm làm cho nội dung của biên nhận có mâu thuẫn, không rõ ràng nên không được xem là chứng cứ. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, bà M thừa nhận còn nợ tiền hui của bà T là 102.000.000 đồng là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với chứng cứ phản tố của bị đơn, nguyên đơn xác định có nợ bị đơn theo biên nhận nợ ngày 01/11/2018 và không chứng minh được việc đã thanh toán số tiền này nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H2.

[2] Về nội dung:

Các đương sự đều thống nhất thừa nhận giữa nguyên đơn với bị đơn có xác lập giao dịch dân sự góp hụi, theo đó nguyên đơn là chủ hụi còn bị đơn là hụi viên tham gia các dây hụi 500.000 đồng tuần và 5.000.000 đồng/tháng do nguyên đơn tổ chức, hiện nay các dây hụi do nguyên đơn làm chủ đều đã dừng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi 160.000.000 đồng với chứng cứ là tờ biên nhận nợ có chữ viết và chữ ký của bà Trần Thị Ngọc M ngày 31/12/2018 (BL 09). Bà M thừa nhận chữ viết, chữ ký của mình nhưng không thừa nhận nội dung biên nhận nợ vì nội dung đã bị tẩy xóa, sửa chữa và ghi chèn. Đồng thời, bị đơn có đơn phản tố yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ hụi còn thiếu là 75.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 01/11/2018 (BL115).

Xét chứng cứ tờ biên nhận nợ ngày 31/12/2018, nhận thấy: Tại phần đầu và phần cuối của tờ biên nhận có sự ghi chèn thêm nội dung như sau: Phần đầu tờ biên nhận ghi chèn thêm nội dung “*Đóng hụi chết 160.000.000 Một trăm sáu chục triệu*” và phần cuối tờ biên nhận có ghi chèn thêm nội dung “*Tổng cộng hụi chết đóng cho Tâm là 160.000.000*”; ngoài ra, tờ biên nhận còn bị tẩy xóa và sửa chữa về ngày tháng năm xác lập giao dịch và số tiền hai bên chốt nợ. Việc sửa chữa và ghi chèn thêm làm cho nội dung của Biên nhận có mâu thuẫn, không rõ ràng. Nguyên đơn thừa nhận việc tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong tờ biên nhận là do nguyên đơn thực hiện. Do đó, biên nhận nợ ngày 31/12/2018 không có giá trị là chứng cứ chứng minh. Ngoài chứng cứ này ra, lời trình bày của nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nào khác và cũng không được bị đơn thừa nhận. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, bà M thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà T là 102.000.000 đồng (BL 187). Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền này là có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Nguyên đơn xác định có nợ bị đơn theo biên nhận nợ ngày 01/11/2018 (BL 115). Như vậy, có cơ sở xác định bà T có nợ bà M 75.000.000 đồng. Bà T cho rằng đã cản trở nghĩa vụ thanh toán cho nhau nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được bà M thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà M là có cơ sở.

[3] Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang H1 là phù hợp một phần

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật; bị đơn bà Trần Thị Ngọc M được miễn do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T và không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Ngọc M là ông Lê Quang H1.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí phúc thẩm :

- Bà Trần Thị Ngọc M được miễn án phí.

- Bà Trương Thị Thanh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số: 0000694 ngày 08/12/2021 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS tp. T;
- TAND tp. T;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Dũng